

Bản án số: **55 /2024/HNGĐ-ST**

Ngày: **30/12/2024**

"*V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con* "

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Chắt và ông Trần Văn Nghi

- Thư ký phiên tòa: Lê Thị Thu Hà, Thư ký Toà án nhân dân huyện K

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Phương, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 212/2024/TLST-HNGĐ ngày 15/10/2024 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2024/QĐST - HNGĐ ngày 03/12/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2024/QĐST - HNGĐ ngày 20/12/2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Trần Thị N, sinh năm 1994; ĐKKH tại: xóm H, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Hiện đang tạm trú tại: xóm I, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- **Bi đơn:** Anh Vũ Văn N1, sinh năm 1995; ĐKKH và trú tại: xóm H, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình. (Vắng mặt tại phiên tòa lần 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn ngày 15/10/2024, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày:

Chị và anh Vũ Văn N1 đăng ký kết hôn năm 2018 trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã C. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị về chung sống cùng gia đình anh N1 tại xóm H, xã C thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không cải thiện mà ngày càng nặng nề hơn. Do không chịu đựng được nên chị và anh N1 đã sống ly thân mỗi người một nơi không còn quan tâm đến

nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể quay về chung sống cùng anh N1 được nữa, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh N1 để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung là Vũ Đức T, sinh ngày 13/9/2018 và Vũ Kim O, sinh ngày 22/10/2022. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh N1 phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi 02 con cho chị.

Về tài sản: Chị xác định vợ chồng tự thỏa thuận với nhau. Khi ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn trong vụ án anh Vũ Văn N1 trong bản tự khai ngày 25/10/2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa trình bày:

Anh và chị N có đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2018 tại UBND xã C; Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, vợ chồng xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không được cải thiện mà càng nặng nề hơn. Vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng giữa năm 2024 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Mặc dù vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn đã lâu nhưng anh mong muốn đề nghị Tòa án phân tích, hòa giải để chị N suy nghĩ lại tình cảm vợ chồng và vì con chung để vợ chồng về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con. Nay chị N xin ly hôn anh không đồng ý vì anh là người theo đạo Thiên C không được phép ly hôn. Trường hợp chị N cương quyết ly hôn Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật anh không có ý kiến gì.

Về con: Anh xác nhận vợ chồng có 2 con chung là Vũ Đức T, sinh ngày 13/9/2018 và Vũ Kim O, sinh ngày 22/10/2022. Trường hợp phải ly hôn anh xin được nhận nuôi con chung Vũ Đức T, để chị N nuôi con chung Vũ Kim O, hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung: Anh và chị N đã tự thỏa thuận với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã ban hành Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tại phiên hòa giải lần thứ nhất chị N và anh N1 không thống nhất được về quan hệ hôn nhân, hai bên đã thống nhất được việc phân chia nuôi dưỡng con chung để chị N chăm sóc nuôi dưỡng con Vũ Kim O, để anh N1 chăm sóc nuôi dưỡng con Vũ Đức T. Tuy nhiên tại phiên hòa giải lần 2, anh N1 không đồng ý ly hôn và thay đổi ý kiến xin được nuôi cả 02 con, không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng tiền nuôi 02 con chung cho anh. Do đó, Tòa án phải tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về tố tụng: Hội đồng xét xử và người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về nội dung:

- Áp dụng Điều 51, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xử ly hôn giữa chị Trần Thị N và anh Vũ Văn N1.

- Giao cháu Vũ Kim O, sinh ngày 22/10/2022 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên; Giao cháu Vũ Đức T, sinh ngày 13/9/2018 cho anh N1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Hai bên không phải đóng tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Án phí: Chị N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu toàn diện các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định vụ án như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Thị N khởi kiện yêu cầu giải quyết việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” với anh Vũ Văn N1, có địa chỉ cư trú tại xóm H, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình; căn cứ quy định tại Điều 28, 35 và 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện K.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị N và anh Vũ Văn N1 đăng ký kết hôn năm 2018 trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã C. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình nội ngoại khuyên giải nhưng không được cải thiện mà ngày càng nặng nề hơn. Từ giữa năm 2024 cho đến nay vợ chồng chị N, anh N1 sống ly thân mỗi người một nơi không còn quan tâm gì đến nhau nữa.

Theo chị N và anh N1 nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, cả hai bên đều xác định do mâu thuẫn không khắc phục được nên từ năm 2024 cho đến nay vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi, không còn tình cảm, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Do anh N1 theo đạo Thiên Chúa không được phép ly hôn vì vậy anh không đồng ý ly hôn, trường hợp chị N cương quyết ly hôn thì Tòa án giải quyết theo quy định anh không có ý kiến gì.

Xác minh tại chính quyền địa phương nơi anh N1 cư trú, đại diện UBND xã C cho biết hiện nay chỉ có anh N1 đang sinh sống tại xóm H, xã C còn chị N về sinh sống tại xóm I, xã C, vợ chồng sống ly thân nhau; về nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể như thế nào thì địa phương không biết vì không nhận được bất kỳ đơn thư hay báo cáo gì. Đối với việc chị N làm đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với anh N1 thì Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và yêu cầu thực tế của các bên để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Từ những căn cứ đó Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống chung của vợ chồng giữa chị N và anh N1 có mâu thuẫn; mặc dù đã được hai bên gia đình hoà giải nhưng không có kết quả; đã có thời gian sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau; mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không còn khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, Do đó yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh N1 là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình cần được chấp nhận.

[3] Về con chung:

Chị N và anh N1 có 02 con chung tên là Vũ Đức T, sinh ngày 13/9/2018 và Vũ Kim O, sinh ngày 22/10/2022. Tại phiên hòa giải lần 2 anh N1 có quan điểm muốn được trực tiếp nuôi 02 con chung và không yêu cầu chị N phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho anh. Tuy nhiên, anh không cung cấp được tài liệu xác định mức thu nhập và điều kiện chăm sóc của anh đối với 02 con. Hơn nữa, trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc con chung của vợ chồng là ngang nhau.

Thực tế từ khi sống ly thân cho đến nay con chung Vũ Đức T đang ở cùng với anh N1, còn cháu Vũ Kim O đang do chị N nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo ổn định trong sinh hoạt của các cháu. Hội đồng xét xử giao cháu Vũ Đức T cho anh N1 trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục; giao cháu Vũ Kim O cho chị N trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau theo quy định của pháp luật, cũng như kiểm sát viên đề xuất là phù hợp.

[4] Về tài sản: Chị N và anh N1 không yêu cầu giải quyết tài sản chung vì vậy HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ quy định tại điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 buộc chị N phải nộp toàn bộ án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ Điều 144, 147, 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự; **điểm a, khoản 5 Điều 27** Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Xử lý hôn giữa chị Trần Thị N với anh Vũ Văn N1.
2. Giao chị Trần Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung là Vũ Kim O, sinh ngày 22/10/2022 cho đến khi con thành niên; Giao anh Vũ Văn N1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung là Vũ Đức T, sinh ngày 13/9/2018 đến khi thành niên. Hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền

thăm nom con của người đó; Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm:

Chị Trần Thị N phải nộp 300.000^d án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000^d tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001883 ngày 15/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

☐ n xử sơ thẩm công khai các đ- ơng sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện K;
- THADS huyện K;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Thế Anh